

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 10-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng; nghề nghiệp: Công chức Tư pháp

Bà Nguyễn Thị Vân; nghề nghiệp: Giáo viên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/HSST-QĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Đức Th, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1982; Nơi sinh: Thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn Q, sinh năm 1952 và con bà Trần Thị T, sinh năm 1952; Chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: - Bản án số 84 ngày 17/8/2004, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp T1 sản (Đã xóa án tích); - Bản án số 68 ngày 26/9/2008, Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp T1 sản (Đã xóa án tích); Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/7/2019; có mặt.

- ***Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Nguyễn Văn T - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng thực hiện trợ giúp pháp lý; có mặt.

- Bị hại:

Cháu Trần Đức T, sinh ngày 21/8/2008 và cháu Trần Mạnh T, sinh ngày 31/7/2010; Người đại diện hợp pháp của bị hại (là mẹ, cha của cháu Trần Đức T và cháu Trần Mạnh T): Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1986 và anh Trần Văn Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

Cháu Nguyễn Tất A, sinh ngày 26/3/2009; Người đại diện hợp pháp của bị hại (là mẹ, cha của cháu Nguyễn Tất A): Chị Lê Thị L, sinh năm 1985 và anh Nguyễn Tất Tuấn, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

Cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/10/2009; Người đại diện hợp pháp của bị hại (là mẹ, cha của cháu Nguyễn Thành Đ): Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1981 và anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại* (cháu Trần Đức T1 và cháu Trần Mạnh T2): Bà Đoàn Thị Huế - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại* (cháu Nguyễn Tất A và cháu Nguyễn Thành Đ): Ông Bùi Văn Bình - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Đại diện Trường tiểu học T* nơi cháu Trần Mạnh T2, cháu Nguyễn Tất Anh và cháu Nguyễn Thành Đ đang học; Vắng mặt.

- *Đại diện Trường trung học cơ sở T* nơi cháu Trần Đức T1 đang học; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Đức Th là đối tượng nghiện ma túy và đang điều trị nghiện tại cơ sở điều trị Methadone ở xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/6/2019, sau khi uống Methadone xong Bùi Đức Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Nouvo LX màu đen - bạc biển số 16N1-8305 về nhà. Khi đi qua khu vực miếu Thủy Tú, thuộc thôn Đ, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thấy một số cháu nhỏ chơi ở khu vực gốc cây đa trong sân miếu, cổ các cháu có đeo dây chuyền bằng kim loại bạc, Bùi Đức Th đã nảy sinh ý định giật chiếm đoạt dây chuyền của các cháu bán lấy tiền mua ma túy. Bùi Đức Th dựng xe phía sau gốc cây đa rồi đi bộ đến chỗ các cháu chơi, lúc này Bùi Đức

Th đeo khẩu trang nhưng kéo xuống dưới cằm và nói to: “Ai cho chúng mày leo lên cây. Không đứa nào được đốt lá cây”. Sau đó, Bùi Đức Th T2 lại vị trí cháu Trần Đức T1 đang đứng, tay phải cầm vào cổ áo cháu Trần Đức T1 tay trái giật mạnh sợi dây chuyền bằng kim loại bạc có đặc điểm dạng mắt xích nối xen kẽ với mảnh kim loại hình chữ nhật, trên bề mặt các mảnh hình chữ nhật đều có kí hiệu “Nike” đang đeo trên cổ cháu Trần Đức T1. Bùi Đức Th tiếp tục đi đến vị trí cháu Trần Mạnh T2 đứng cạnh đó, dùng tay phải giật mạnh sợi dây chuyền trên cổ cháu Trần Mạnh T2 (dây chuyền có đặc điểm giống của Trần Đức T1). Bùi Đức Th cầm hai sợi dây chuyền trên tay đi đến chỗ cháu Nguyễn Tất A đứng gần đó tiếp tục giật sợi dây chuyền bằng kim loại bạc, có đặc điểm là các mắt xích nối với nhau, ở giữa có móc nối hình số 8 của cháu Nguyễn Tất A. Sau khi giật lấy được 03 sợi dây chuyền, Bùi Đức Th để 03 sợi dây chuyền trong hộp số xe mô tô rồi điều khiển ra hướng cửa miếu. Tại đây, Bùi Đức Th thấy cháu Nguyễn Thành Đ trên cổ có đeo dây chuyền bạc có đặc điểm là các mắt xích hình elip nối với nhau đang đứng ở khu vực bờ hồ trong sân miếu, Bùi Đức Th điều khiển xe đến, ngồi trên xe dùng tay phải giật mạnh sợi dây chuyền trên cổ cháu Nguyễn Thành Đ rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy ra hướng tỉnh lộ 359 qua cầu Bính sang nội thành Hải Phòng. Bùi Đức Th đến khu vực đường tàu gặp một người phụ nữ không biết tên, địa chỉ đổi 04 sợi dây chuyền vừa chiếm đoạt được được 03 gói heroine. Sau đó Bùi Đức Th đã mang số ma túy về nhà sử dụng hết. Đến 13 giờ ngày 18/6/2019, Bùi Đức Th điều khiển xe mô tô biển số 16N1-8305 đi uống Methadone về qua khu vực miếu Thủy Tú thì bị cháu Trần Đức T1 phát hiện báo gia đình kết hợp cùng quân chúng nhân dân giữ Bùi Đức Th và giao cho Công an xã T xác minh, giải quyết.

T2 hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Đức Th thu giữ: 01 sợi dây bằng kim loại màu trắng; 01 vòng làm bằng kim loại màu vàng dạng vòng đeo tay; 01 sợi dây không rõ chất liệu màu vàng đồng dạng lắc đeo tay; 01 áo phông ngắn tay có cổ, màu xanh nhạt.

Cháu Trần Đức T1, Trần Mạnh T2, Nguyễn Tất A, Nguyễn Thành Đ và đại diện gia đình khai: Sợi dây chuyền của cháu Trần Đức T1, Trần Mạnh T2 bị Bùi Đức Th giật chiếm đoạt có đặc điểm giống nhau, đều bằng bạc có mắt xích nối xen kẽ với mảnh kim loại hình chữ nhật, trên bề mặt các mảnh hình chữ nhật đều có kí hiệu “Nike” trị giá 800.000 đồng. Sợi dây chuyền của cháu Nguyễn Tất A là loại dây bằng bạc, có các mắt xích nối với nhau, ở giữa có móc nối hình số 8. Sợi dây chuyền của cháu Nguyễn Thành Đ bị Bùi Đức Th giật chiếm đoạt là loại dây bằng bạc, có các mắt xích hình elip nối với nhau trị giá 200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá T1 sản ngày 26/8/2019 của Hội đồng định giá T1 sản trong tổ tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: Giá trị T1 sản của 02 sợi dây chuyền bằng kim loại bạc của các cháu Trần Đức T1, Trần Mạnh T2 là 820.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại bạc của cháu Nguyễn Tất A là

350.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại bạc của cháu Nguyễn Thành Đ là 150.000 đồng. Tổng giá trị T1 sản Bùi Đức Th đã chiếm đoạt là 1.320.000 đồng.

Về dân sự: Trong giai đoạn điều tra, gia đình Bùi Đức Th đã bồi thường 820.000 đồng cho cháu Trần Đức T1, Trần Mạnh T2; 350.000 đồng cho cháu Nguyễn Tất Anh; 150.000 đồng cho cháu Nguyễn Thành Đ. Các cháu Trần Đức T1, Trần Mạnh T2, Nguyễn Tất A, Nguyễn Thành Đ và đại diện gia đình không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 mũ bảo hiểm màu trắng có sọc xanh; 01 con dao dài 17cm màu đen, cán bằng gỗ; 01 con dao dạng dao thái lan dài 26,5cm, cán bằng nhựa màu đen; 01 dây chuyền bằng kim loại màu bạc; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 mũ lưỡi trai màu đen; 01 khẩu trang y tế màu xám; 01 quần bò dài màu xanh; 01 đôi dép lê màu đen; 01 áo phông ngắn tay có cổ màu xanh nhạt; 01 sợi dây bằng kim loại màu trắng; 01 vòng làm bằng kim loại màu vàng dạng vòng đeo tay; 01 sợi dây không rõ chất liệu màu vàng đồng dạng lắc đeo tay chuyên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên.

Đối với xe mô tô biển số 16N1-8305, quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Văn Q, sinh năm 1951, ở xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (cha đẻ của Bùi Đức Bùi Đức Th). Ông Bùi Văn Q cho Bùi Đức Th mượn để đi uống thuốc Methadone nhưng không biết Bùi Đức Th dùng để đi cướp giật T1 sản. Cơ quan điều tra đã trả lại ông Bùi Văn Quang sử dụng.

Cáo trạng số 106/CT-VKSTN ngày 30 tháng 9 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Bùi Đức Th về tội Cướp giật T1 sản theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên và đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo nhưng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ vụ án đã trình bày đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở trên. Đại diện Trường học nơi bị hại đang học tập vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho bị hại. Người bào chữa cho bị cáo trình bày đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về vật chứng thu giữ khi khám xét: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ pháp luật giải quyết. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày về trách nhiệm hình sự đồng nhất với các quan điểm của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự không đặt ra đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp

dụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức Th với mức án tù từ 7 năm tù đến 7 năm 6 tháng tù về tội Cướp giật T1 sản và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về bồi thường thiệt hại không có yêu cầu nên không xem xét. Xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

- Về tội phạm mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, lời khai của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại, kết luận định giá T1 sản, vật chứng thu giữ và các T1 liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/6/2019, bị cáo Bùi Đức Th có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 16N1-8305 đến khu vực miếu Thủy Tú, thuộc thôn Đ, xã T, huyện Thủy Nguyên, bị cáo dựng xe ở trong sân miếu đi bộ đến giật chiếm đoạt của các cháu Trần Đức T1 01 sợi dây chuyền bạc trị giá 410.000.000 đồng, cháu Trần Mạnh T2 01 sợi dây chuyền bạc trị giá 410.000.000 đồng, cháu Nguyễn Tất A 01 sợi dây chuyền bạc trị giá 350.000 đồng. Khi điều khiển xe ra ngoài Th tiếp tục giật 01 sợi dây chuyền bạc của cháu Nguyễn Thành Đ trị giá 150.000.000 đồng. Thời điểm bị cáo chiếm đoạt T1 sản các cháu Trần Đức T1, Trần Mạnh T2, Nguyễn Tất A, Nguyễn Thành Đ đều dưới 16 tuổi. Nên hành vi của bị cáo đã phạm tội Cướp giật T1 sản theo điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt là dùng thủ đoạn nguy hiểm và phạm tội đối với người dưới 16 tuổi. Cáo trạng số 106/CT-VKSTN ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố bị cáo như đã nêu trên và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng pháp luật.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và hình phạt áp dụng:

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo đã phạm tội nhiều lần và nghiện ma túy thể hiện là có nhân thân xấu.

Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm đã xâm phạm T1 sản, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải áp dụng hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng cho bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung, do bị cáo không có việc làm, thu nhập và T1 sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo. Như vậy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

- Về những vấn đề khác:

[5] Về dân sự: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu trắng có sọc xanh; 01 con dao dài 17cm màu đen, cán bằng gỗ đã qua sử dụng; 01 con dao dạng dao thái lan dài 26,5cm, cán bằng nhựa màu đen đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm màu đen đã qua sử dụng; 01 mũ lưỡi trai màu đen đã qua sử dụng; 01 khẩu trang y tế màu xám đã qua sử dụng; 01 quần bò dài màu xanh đã qua sử dụng; 01 đôi dép lê màu đen đã qua sử dụng; 01 áo phông ngắn tay có cổ màu xanh nhạt đã qua sử dụng là T1 sản của bị cáo vì liên quan đến tội phạm và không còn giá trị sử dụng; trả lại cho bị cáo Bùi Đức Th 01 phong bì thư dán kín bên trong chứa 01 dây chuyền bằng kim loại màu bạc dài 45 cm, bề rộng 02cm, được thiết kế bằng các móc xích kim loại nối với nhau xen kẽ là các bản bằng kim loại thiết diện hình chữ nhật; 01 01 hộp giấy hình chữ nhật kích thước 15x 17 x3cm dán kín bên trong có 01 sợi dây bằng kim loại dài khoảng 50cm, cấu tạo bằng các khối hình chữ nhật, liên kết với các mắt xích; 01 vòng bằng kim loại màu vàng, dạng vòng đeo tay, đường kính khoảng 04cm và 01 sợi dây không rõ chất liệu, rỗng, màu vàng, dạng lắc đeo tay là T1 sản của bị cáo không liên quan đến vụ án.

[7] Trong vụ án này: Đối với hành vi Bùi Đức Th đổi 04 sợi dây chuyền lấy 03 gói heroine cho một người phụ nữ không biết tên, địa chỉ bên đường tàu Hải Phòng, Cơ quan điều tra tách ra xử lý làm rõ sau.

[8] Về án phí: Do bị cáo thuộc hộ cận nghèo và xin miễn án phí nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171, Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bùi Đức Th 6 (sáu) năm tù về tội Cướp giật T1 sản, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/7/2019.

Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu trắng có sọc xanh; 01 con dao dài 17cm màu đen, cán bằng gỗ đã qua sử dụng; 01 con dao dạng dao thái lan dài 26,5cm, cán bằng nhựa màu đen đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm màu đen đã qua sử dụng; 01 mũ lưỡi trai màu đen đã qua sử dụng; 01 khẩu trang y tế màu xám đã qua sử dụng; 01 quần bò dài màu xanh đã qua sử dụng; 01 đôi dép lê màu đen đã qua sử dụng; 01 áo phông ngắn tay có cổ màu xanh nhạt đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Bùi Đức Th 01 phong bì thư dán kín bên trong chứa 01 dây chuyền bằng kim loại màu bạc dài 45 cm, bề rộng 02cm, được thiết kế bằng các móc xích kim loại nối với nhau xen kẽ là các bản bằng kim loại thiết diện hình chữ nhật; 01 hộp giấy hình chữ nhật kích thước 15x 17 x3cm dán kín bên trong có 01 sợi dây bằng kim loại dài khoảng 50cm, cấu tạo bằng các khối hình chữ nhật, liên kết với các mắt xích; 01 vòng bằng kim loại màu vàng, dạng vòng đeo tay, đường kính khoảng 04cm và 01 sợi dây không rõ chất liệu, rỗng, màu vàng, dạng lắc tay đeo. *(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng).*

Về án phí áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Bùi Đức Th được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chính quyền cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- PV27, CAHP;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Nhã

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhã